

# TRUNG CỘNG CÔNG KHAI CƯỖNG CHIẾM NON SÔNG VIỆT

## Mường Giang



Năm 111 trước Tây Lịch, người Hán xâm lăng và cưỡng chiếm non sông Hồng-Lạc, lúc đó có quốc hiệu là Nam Việt, bao gồm lãnh thổ của Âu Lạc và Giao Chỉ. Dân tộc Việt bắt đầu sống trong một thời bị Tàu đô hộ cả ngàn năm, còn đất đai của tiên tổ thì bị giặc cướp phanh thây thành chín mảnh. Đó là Nam Hải và Hợp Phố (Quảng Đông), Thượng Ngô và Uất Lâm (Quảng Tây), Châu Nhai và Nam Nhĩ (Hải Nam), Giao Chỉ (Bắc Việt), Cửu Chân (Thanh Hóa), Nhật Nam (Nghệ An và Hà Tĩnh).

*"Quê hương nay đã mới mòn,  
Ngàn năm nô lệ, vẫn còn còn đây..."*  
(Ca dao)

Từ đó Dân tộc Việt sống trong một thời kỳ lầm than, nhục hận và đen tối dưới cùm gông nô lệ, dưới đồng hóa xích xiềng cùng với sự áp bức dã man tàn độc của giặc Tàu phương Bắc. Nhưng người Việt vốn là một dân tộc anh hùng tuyệt luân, phi thường dũng liệt, can đảm bất khuất. Vì vậy suốt trong thời gian bị nô lệ, đã không ngừng quật khởi chiến đấu, quyết tâm đánh đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi cầm tù ngàn đời của giòng giống Tiên Rồng, được tạo dựng từ thời các Tổ Hùng dựng nước Văn Lang, cách đây gần 5000 năm lịch sử.

Trong tình cảnh nước mất nhà tan, thương đau và tủi nhục, cuộc đấu tranh nhằm giải phóng dân tộc thoát khỏi ách nô lệ của giặc Tàu, vẫn liên tục sôi sục trong tâm khảm mọi người. Năm 40 sau Tây lịch, hai phụ nữ đầu tiên của giòng giống Việt là Trưng Trắc và Trưng Nhị, đã thấp sáng lịch sử bằng ngọn lửa yêu nước, đánh đuổi tên thái thú tàn ác Tô Định chạy về Hán, dành lại được một phần non sông cầm tù của dân tộc, dù chỉ giữ được một thời gian ngắn. Cuộc khởi nghĩa trên đã làm cho đồng bào vô cùng phấn khởi và càng thêm ngưỡng kính Hai Bà tuy là phận nữ nhi nhưng đã dám đứng lên chống lại giặc thù của dân tộc, trả thù nhà nợ nước. Thật là một tấm gương để cho con cháu ngàn đời soi chung noi dấu. Ngày nay :

*"Cột đồng Mã Viện tìm đâu thấy  
Chỉ thấy Tây Hồ, bóng nước gương"*  
(Thái Xuyên)

Nên đọc lịch sử VN qua hàng ngàn năm trước tới thời cận sử không xa, con cháu ngày nay chỉ thấy dăm đầy trên những trang sách cũ-mới, toàn là máu lệ và nước mắt anh hùng của tiền nhân, qua công cuộc bảo vệ và dành lại lãnh thổ cũng như nền tự chủ độc lập của Đại Việt. Còn gì đau đớn và tủi nhục cho bằng thân phận của người dân mất nước, kể từ năm 43 sau TL, Mã Viện lập lại chế độ cai trị vô cùng hà khắc, mục đích duy nhất cũng chỉ là muốn biến Giao Châu thành một quận huyện của Tàu, đồng thời Hán hóa người Việt và bành trướng lãnh thổ xuống phương Nam.

Tuy cách nay gần hai ngàn năm nhưng chính sách xâm lăng đồng hóa các dân tộc yếu kém lảng giềng của Hán Tộc vẫn không hề thay đổi, dù cho trong cuộc phong trần vinh nhục, Tàu cũng đã nhiều lần bị các nước khác đô hộ, hạ nhục, thậm thê không có bút mực nào diễn tả cho hết. Mã Viện dựng cột đồng với lời hăm dọa "đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" nhưng cột đồng thì mất tích, còn nỗi căm hận nhớ đến âm mưu diệt chủng của người Tàu đối với dân Việt thì muôn đời mãi kiếp không bao giờ quên được. Đó là lý do mà suốt ngàn năm bị áp bức bóc lột đến cùng tận, dân Việt luôn luôn vùng dậy chống quân Tàu. Năm 248 Bà Triệu khởi binh chống quân Ngô ở Cửu Chân (Thanh Hóa). Tiếp theo có Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ... và cuối cùng là Đại Đế Ngô Vương Quyền vào năm 939 sau TL, chém đầu thái tử Hoàng Tháo trên sông Bạch Đằng, đuổi đánh quân Nam Hán chạy về Tàu, kết thúc 1000 Bắc thuộc, giành lại độc lập tự chủ cho dân tộc Việt.

"Đồng trụ chí kim đài dĩ lục (cột đồng đến nay, rêu còn xanh ?)  
Đằng giang tự cổ huyết do hồng (Sông Đằng tự xưa, máu vẫn đỏ).

Và từ đó cuộc chiến đấu trường kỳ của dân tộc Việt đối với dã tâm xâm lăng thống trị của giặc Tàu phương Bắc, trở thành một bản chất quật cường trong tâm khảm của mọi người. Đó cũng là chủ nghĩa yêu nước, một tôn giáo đặc dị VN chỉ biết tôn sùng những vị anh hùng liệt nữ tận trung báo quốc, mà họ coi ngang với Trời Phật, thần Đất... như Đức Thánh Trần Hưng Đạo, đã hai lần đại thắng đế quốc Nguyên-Mông trong thế kỷ XIII khi xâm lăng Đại Việt.

Nói chung, trong khi chiến đấu để bảo vệ tổ quốc và nền độc lập tự do cho xứ sở, các nhà lãnh đạo Đại Việt lúc nào cũng cứng rắn với giặc Tàu và mềm mỏng trong ngoại giao. Tổ tiên ta từ buổi bình minh lịch sử, cũng chỉ nhờ vào chủ nghĩa anh hùng và chiến lược khôn ngoan, mà đánh bại được tất cả các cuộc xâm lăng của Tống, Mông Cổ, Minh và mãn Thanh. Còn việc triều cống giặc Tàu, sau những lần chiến thắng quân xâm lăng, thực chất không phải vì nước ta sợ chúng, mà là tránh không để cho chiến tranh tiếp diễn, gây thêm cảnh sanh linh đồ thán, để khổ cho muôn người.

Năm 1077 ba chục vạn quân Tống xâm lăng Đại Việt. Đại tướng Lý Thường Kiệt trong khi ngăn giặc Tàu tại phòng tuyến Sông Cầu (Bắc Việt), đã sáng tác bốn câu thơ thần, để cổ vũ cho tinh thần chiến sĩ nơi biên tái :

**"Nam quốc sơn hà, Nam đế cư** (Sông núi nước Nam vua Nam ở)  
**Tiết nhiên định phận tại thiên thư** (Rành rành định phận ở sách trời)  
**Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm** (Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm)  
**Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư** (Chúng bây sẽ bị đánh toi bời).

Bài thơ như một bản tuyên ngôn độc lập của nước Nam, đồng thời đánh thép cảnh cáo giặc Tàu đừng bao giờ ý mạnh hiếp yếu, luôn nuôi dã tâm cường chiếm nước người, không sớm thì muộn cũng có ngày bại vong. Tất cả là sự gắn bó mãnh liệt vào mảnh đất quê hương, vào di sản dân tộc tuy đẫm đày máu lệ nhưng đâu có thiếu chất lẫm mạng kiêu hùng :

"Đoạt sáo Chương Dương độ  
Cầm hồ Hàm Tử quan  
Thái Bình nghi nỗ lực  
Vạn cổ thử giang san"  
(Trần Quang Khải).

Vào cuối năm Đinh Mùi (1428), Bình Định Vương Lê Lợi sau 10 năm chiến đấu gian khổ, đã đánh đuổi được giặc Minh ra khỏi non sông đất Việt. Nguyễn Trãi thay ông viết "Bình Ngô Đại Cáo" công bố trước quốc dân về công cuộc phục quốc đã thắng lợi, nước nhà lại độc lập tự chủ như thuở nào. Đồng thời bày tỏ lòng thương xót đối với đồng bào vô tội đã bị giặc Minh tàn sát dã man, trong thời gian chúng tạm chiếm được nước ta :

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ  
Dối trời, lừa dân, đủ trăm ngàn kế  
Người bị ép xuống biển, dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng  
Kẻ bị đem vào núi, đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc  
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng..."

Ba trăm năm sau Mãn Thanh lại bắt đầu dòm ngó non sông Việt, qua cái cớ giúp Lê Chiêu Thống dằn lại ngôi vua. Vì vậy nửa đêm mừng năm tháng giêng Tết Kỷ Dậu (1789), Đại Đế Quang Trung (Nguyễn Huệ) kéo quân ra Bắc và chỉ trong một hồi trống đã đại thắng giặc Thanh, bắt Sầm Nghi Đống thất cổ tự tử, khiến Tôn Sĩ Nghị phải ôm đầu máu, trốn vào ống đồng chạy về Tàu

Như Lê Thánh Tôn (1460-1497) vị anh quân tài giỏi của Đại Việt vào cuối thế kỷ XV đã nói "Ta phải gìn

giữ cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tác sông của đất núi." Câu chuyện thần thoại về Phù Đổng Thiên Vương cỡi ngựa sắt đánh đuổi giặc Ân xâm lăng nước ta vào thời Hùng Vương thứ VI, là một triết lý lịch sử dựng và giữ nước của Đại Việt, tuy là một nước nhỏ nhưng luôn chiến thắng kẻ thù to lớn phương Bắc, được văn chương bình dân ca tụng đầy tự tin và ngạo nghễ :

"Nực cười châu chấu đá xe  
Tưởng rằng chấu ngã ai ngờ xe nghiêng  
Chim chích cắn cổ điều hâu  
Gà con tha quạ biết đâu mà tìm".

Tóm lại bài học lịch sử Việt ngàn đời vẫn còn đó: giặc Tàu chỉ có thể xâm lăng cường chiếm đất đai của ta mỗi khi thế nước suy hèn, chia rẽ và nội loạn nên Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung và Chúa Trịnh đã dâng nạp cho kẻ thù phương Bắc nhiều đất đai ở biên giới Hoa Việt.

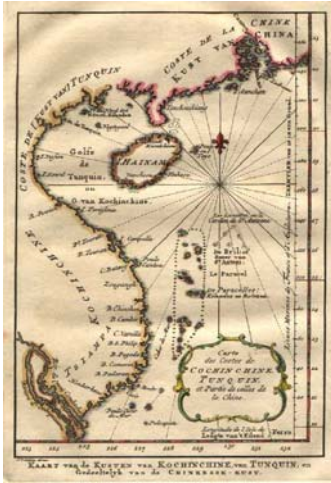
Cuối đời Trần vua quan hèn yếu, Hồ Quý Ly tiếm vị xưng vương vào năm 1401. Trần Khang tự là Thiểm Bình, xưng là con cháu nhà Trần đến Yên Kinh xin Tàu đánh nước Nam để giựt lại ngai vàng cho mình. Nhà Minh lợi dụng cơ hội đó sang đánh chiếm nước ta, đặt nên đô từ 1413-1428 mới chấm dứt vì bị Bình Định Vương Lê Lợi đánh đuổi chạy về Tàu. Thế mới biết, Nhà Hồ dù có trăm vạn quân thiện chiến và tinh nhuệ nhưng vẫn thua giặc Minh vì mất lòng dân. Trong lúc Kháng Chiến Quân Lam Sơn chỉ có vài chục vạn nhưng quân dân trên dưới một lòng, vì vậy đã đánh đuổi được giặc Tàu xâm lăng ra khỏi bờ cõi, dành lại độc lập cho nước nhà.

Năm 1786, Duy Kỳ hay Duy Khiêm lên nối ngôi vua Hậu Lê tức là Mẫn Đế niên hiệu Chiêu Thống. Năm 1788 vì thù hận Tây Sơn và Chúa Trịnh, đồng thời muốn giựt lại chiếc ngai vàng cho nhà Lê, nên Chiêu Thống chạy sang cầu viện Mãn Thanh sang chiếm nước ta nhưng bị Đại Đế Quang Trung đuổi đánh phải chạy về Tàu vào năm 1789.

Và lịch sử lại tái diễn tấn tuồng "Rước voi Tàu về dầy mã Tổ Hồng Lạc" từ tháng giêng năm 1949, Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị trung ương lần thứ 6 để "nỗ lực chuẩn bị sẵn sàng đón lấy dịp tốt, tuyệt đối không nên bỏ lỡ cơ hội chiến lược từ Trung Cộng". Cho nên không ngạc nhiên khi thấy Tàu Đỏ là nước đầu tiên công nhận Việt Cộng vào ngày 10-1-1950. Đây cũng là thời gian HCM bí mật sang Tàu cầu Mao Trạch Đông cầu viện. Từ đó về sau Hồ chọn ngày 10-1 làm quốc lễ và gọi đó là ngày "thắng lợi ngoại giao". Hàng ngàn cố vấn Tàu có mặt đông đảo tại VN, trong số này có các tướng Trần Canh, Vi Quốc Thanh, Lã Quý Ba... giúp các đệ tử thân tín của Hồ từng hoạt động bên Tàu, nắm giữ các địa vị then chốt trong đảng, ngày qua ngày cứ thế sản sinh bè phái thân Trung Cộng, khống chế quyền lực cả nước tới nay, biến nước ta thành một quận huyện của Tàu như thời Bắc thuộc.

Tháng 7-1954, ngay khi chữ ký trên văn bản ngưng bắn tại Genève, chưa ráo mực, thì Hồ Chí Minh đã nghĩ ngay tới chuyện chiếm miền Nam, để tron gói vợ vét và toàn quyền trên ngai vàng máu lệ. Do ý đồ trên, Hồ đã gài lại một số lớn cán binh bộ đội nằm vùng khắp lãnh thổ VNCH, khi có lệnh tập kết. Để chuyển quân cũng như tiếp tế, Hồ mở con đường chiến lược Trường Sơn trên bộ, xuyên qua lãnh thổ Lào và Kampuchia. Về mặt biên, Hồ thành lập đường 559B giao cho Đồng văn Cống chỉ huy, và dĩ nhiên, muốn an toàn, đầu tiên là phải nhổ tuyệt hai tiền đồn của QLVNCH trấn đóng trên quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, đất đai thuộc lãnh thổ từ lâu đời của dân tộc Đại Việt, đã được tổ tiên bảo toàn từ thời Hậu Lê, Nhà Nguyễn... nằm trong Đông Hải.

Theo bản tin của UPI-AFB ngày 23-9-1958, được báo chí của Trung Cộng lẫn Việt Cộng đăng tải. Những tài liệu này, hiện vẫn được lưu trữ tại các thư viện quốc tế như Luân Đôn, Paris, Hoa Thịnh Đốn, Bắc Kinh... kể cả Hà Nội. Nhờ đó, ta mới biết được, vào ngày 14-9-1958, Phạm Văn Đồng lúc đó là thủ tướng, theo lệnh của chủ tịch nước và đảng VC là Hồ Chí Minh, đã cam kết với Chu Ân Lai, thủ tướng Trung Cộng, bằng văn kiện xác quyết như sau "Chính phủ VNDCCH, tôn trọng quyết định, lãnh hải 12 hải lý cũng như hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, là Tây Sa-Nam Sa, của Trung Cộng". Ngày 22-9-



1958, Đại sứ VC tại Bắc Kinh là Nguyễn Khang, dâng văn kiện xác nhận điều trên, do Phạm Văn Đồng ký, lên Thiên Triều. Ngay cả khi đã cướp chiếm được hoàn toàn miền Nam VN, vào tháng 5-1976, trên tờ Sài Gòn Giải Phóng của VC nằm vùng Ngô Công Đức, Lý Quý Chung... vẫn còn đăng lời xác nhận của đảng VC, là Hoàng Sa-Trường Sa là của Trung Cộng. Khôi hài hơn, VC nói, vì ta và Tàu sông liền sông, núi dính núi, nên Hoàng Sa-Trường Sa, của ai cũng thế thôi, nên VC muốn lấy lại đảo, lúc nào Trung Cộng vẫn sẵn sàng giao trả". Luận điệu trên, rõ ràng VC đã xác nhận VN là thuộc địa của Tàu Cộng. Dù ngày 14-3-1988, VC và Trung Cộng đã giao tranh đẫm máu tại Trường Sa. ngay sau đó, trên tờ Nhân Dân, số ra ngày 26-4-1988, VC vẫn xác nhận sự kiện Hồ Chí Minh bán hai đảo cho Tàu năm 1958 là đúng. Bởi có vậy, Trung Cộng mới viện trợ súng đạn, gạo tiền và cả triệu quân, để VC đánh chiếm VNCH từ 1955-1975.

Ngày 1-5-1975, VC ban hành một bản đồ mới của nước VN thống nhất, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (hiện do hải quân Bắc Việt chiếm giữ 6 đảo, khi VNCH bỏ), mà chính Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng đã giấy trắng mực đen, xác nhận thuộc chủ quyền của Trung Cộng vào năm 1958. Đây cũng là một nguyên cớ, để Tàu xâm lăng VN vào mùa xuân năm 1979. Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2 (1960-1975), hầu như nguồn viện trợ quân sự, kinh tế cho Bắc Việt xâm lăng VNCH, đều của Trung Cộng. Trên đất Bắc, Tàu giúp Hà Nội xây dựng nhiều công trình nhà máy, đường xá... Theo tài liệu công bố, tính tới năm 1978, Tàu đã viện trợ cho VC hơn 20 tỷ mỹ kim. Từ năm 1965-1970, theo yêu cầu của Hồ Chí Minh, đã có hơn 100.000 quân Trung Cộng sang giúp Bắc Việt, để xây dựng và phòng thủ. Đã có cả ngàn lính Tàu chết ở VN trong cuộc chiến

Ngày thứ bảy 17-2-1979 lúc 3 giờ 30 sáng, 600.000 quân Tàu, tiền pháo hậu xung, ào ạt mở cuộc xâm lăng đại quy mô vào VN, trên vùng biên giới từ Lai Châu tới Móng Cáy. Thế là tình nghĩa vô sản quốc tế trong sáng giữa hai nước, đã trở thành hận thù thiên cổ. Những địa danh Cao Bằng, Lạng Sơn, Đồng Khê, Thất Khê... lại đi vào những trang Việt sử đẫm máu, của VN chống xâm lăng Tàu. Cuộc chiến thật đẫm máu ngay từ giờ phút đầu. Quân Tàu dùng chiến thuật cổ điển thí quân với tiền pháo hậu xung, bằng các loại hỏa tiễn 122 ly và đại bác nòng dài 130 ly, với nhịp độ tác xạ 1 giây, 1 trái đạn. Sau đó Hồng quân tràn qua biên giới như nước lũ từ trên cao đổ xuống. Tuy nhiên khắp nơi, Trung Cộng đã gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của VN, một phần nhờ địa thế phòng thủ hiểm trở, phần khác là sự yểm trợ hùng hậu của pháo binh các loại, gây cho giặc Tàu nhiều tổn thất về nhân mạng tại Lạng Sơn và Cao Bằng.

Do quân Tàu quá đông, nên sau 10 ngày cầm cự, bốn thị xã Lai Châu, Lào Kay, Hà Giang, Cao Bằng và cuối cùng là Lạng Sơn cũng bị thất thủ đêm 4-3-1979. Sau đó giặc Tàu dùng mìn, bom phá nát hết các thành phố, thị xã tạm chiếm, kể cả hang Pắc Pó, suối Lê Nin và núi Các-Mác mà Hồ Chí Minh từng tạm trú, trước khi về Hà Nội cướp chính quyền vào tháng 9-1945. Ngày 16-3-1979, Đặng Tiểu Bình ra lệnh rút quân về nước.

Tóm lại sau 16 ngày giao tranh đẫm máu, Trung Cộng cũng như Khmer đỏ, tàn phá tất cả tài sản của dân chúng, bắn giết tận tuyệt người VN, san bằng các tỉnh biên giới, mà suốt cuộc chiến Đông Dương lần II (1960-1975), gọi là vùng an toàn. Đã có hàng trăm ngàn vừa dân vừa lính của cả hai phía thương vong. Tại miền bắc, hàng triệu dân chúng phải phân ly. Nhà cửa, vườn ruộng, của cải vật chất, đèn đài, miếu võ, nhà thờ, di tích tổ tiên bao đời để lại... đều vì VC gây chiến tranh, mà tan tành theo cát bụi.

Cuộc chiến tưởng đâu đã chấm dứt, vì VC dẫu nhem tin tức, từ ấy cho đến năm 2006, nhờ mạng lưới Internet của Bộ Quốc Phòng Trung Cộng (Defense-China.com) và tác phẩm "Dữ kiện bí mật của cuộc chiến tranh Trung-Việt (Secret Records of Sino-Vietnamese War)" của Jin Hui, Zhang Hui Sheng và Zhang WEi Ming, cả thế giới biết được "Bí Mật Lịch Sử về việc Tàu chiếm Núi Đất của VN, trong cuộc chiến biên giới lần hai (1984-1989)". Theo tài liệu dẫn chứng, năm 1984 Trung Cộng lại vin cớ CSVN

thường pháo kích và tấn công biên giới, nên bất thần tấn công cường chiếm Núi Đất của VN tại tỉnh Hà Giang (Thượng Du Bắc Phần), mở màn cho cuộc chiến Biên Giới Việt Hoa lần thứ hai, kéo dài từ năm 1984-1989 mới chấm dứt, do Việt Cộng tự bỏ đất rút quân, nhượng bán (?) lãnh thổ cho giặc Tàu.

Tính ra, từ ngày Hồ Chí Minh và Đảng CSQT chiếm được nửa nước VN, qua Hội Nghị Genève 1954, sau đó cưỡng chiếm Miền Nam ngày 30-4-1975 và cai trị cả nước tới 2008, chỉ hơn nửa thế kỷ (1955-2008), đã bán cho nhượng Tàu hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, nhiều đất đai tại biên giới Hoa Việt, trong đó có Ải Nam Quan, Thác Bản Giốc, Hang Pắc Pó, Núi Đất và nhiều vùng đánh cá thuộc lãnh hải của VN. Tất cả hành động bán nước trên đều mờ ám, bịp lừa, mục đích cũng chỉ để che dấu mọi tội lỗi, hầu tiếp tục kéo dài sự thống trị của tập đoàn thực dân đỏ tham nhũng, bắt tài nhưng trong tay nắm đủ quyền lực, tiền bạc và trên hết đã sai khiến được một thiểu số trí thức khoa bảng mù quáng hám danh, đang cố sức quây bùn công cuộc chiến đấu quang phục đất nước của Người Việt Tị Nạn Hải Ngoại và Đồng bào quốc nội.

Đó là hậu quả mà ngày nay VN bị Trung Cộng chèn ép, bắt nạt, công khai cướp bóc đất đai từ biên giới cho đến ngoài biển khơi, mà xấu hổ nhất là các vụ có liên quan tới quyền khai thác dầu khí ở khu vực thuộc chủ quyền VN tại Đông Hải.

Ngày 28-6-1914 vợ chồng thế tử nước Áo bị ám sát ở Bosnie. Và dù chính phủ Serbie không có liên quan gì tới nội vụ nhưng Đức và Áo ý mạnh hiệp yếu tấn công nước này. Thế là Đại chiến lần thứ I đã xảy ra kéo dài từ 1914-1918 giết hại hàng chục triệu người vô tội. Đại chiến thứ hai cũng tương tự, do Đức, Ý và Nhật ý mạnh hiệp yếu nên đã lôi kéo nhân loại vào cuộc chém giết kéo dài từ 1939-1945 mới chấm dứt, khi ba nước trên đầu hàng.

Trung Cộng ngày nay còn hung dữ gấp trăm lần Quốc xã Đức, Phát xít Ý và Quân phiệt Nhật. Tại Đông Hải, Tàu Đỏ đã bí mật xây dựng các căn cứ tiềm thủy đình nguyên tử tại đảo Hải Nam, để khống chế VN cũng như thủy lộ dầu của các nước Đông Á, trong đó có Nhật, Nam Hàn, Đài Loan kể cả Hoa Kỳ. Giặc Tàu công khai coi vùng biển của VN là cái ao nhà phía nam của chúng. Do đó đã dùng vũ lực, kinh tế dễ hăm dọa các nước có liên hệ với nước ta tại biển Đông kể cả Anh và Mỹ, qua hai đại công ty BP và Exxon-Mobil. Sự kiện nghiêm trọng tới mức nhiều người ngoại quốc đã bất mãn thay cho VN, yêu cầu đảng VC phải lập tức chính đốn quân sự, chống lại Tàu Đỏ, để bảo vệ non sông tổ quốc.

Trong cơn sơn hà nguy biến, dân tộc lâm nguy, đồng bào cả nước và hải ngoại ai nấy đều chung cảm hận, quyết chờ cơ hội thuận tiện để đồng đứng chung dưới lá cờ đại nghĩa, để đánh đuổi giặc Tàu ra khỏi Hoàng Sa, Trường Sa, Biển Đông, Biên Giới... như tổ tiên ta ngày trước đã từng làm. Vì VN không phải là một nước nhỏ, dân Việt không phải là loại người khiếp hèn. Nhỡ hay hèn trước giặc Tàu phương Bắc, chỉ có đảng CSVN còn 80 triệu người Việt luôn khẳng định sức mạnh của mình, sẽ không bao giờ để cho Tàu đỏ hung hăng bá quyền nước lớn, khi đồng bào dành lại được quyền làm chủ nước trong tay CS. Ngày đó không xa và chắc chắn VN sẽ dành lại những phần đất của tổ tiên, bị VC dâng bán cho Tàu đỏ suốt mấy chục năm qua.

Xóm Cồn Hạ Uy Di  
Tháng 7-2008  
MG